

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2007

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn một số điều của Nghị định 59/2007/NĐ-CP
ngày 9/4/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn**

Căn cứ Nghị định số 36/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn;

Thông tư này hướng dẫn một số nội dung về quy hoạch quản lý chất thải rắn, quy hoạch xây dựng các công trình xử lý chất thải rắn, phục hồi và tái sử dụng cơ sở xử lý chất thải rắn sau khi kết thúc hoạt động, lập và quản lý dự toán xử lý chất thải rắn sau khi kết thúc hoạt động, lập và quản lý dự toán xử lý chất thải rắn được quy định tại các Điều 7, 8, 9, 10, 34, 35 và 37 của Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 9/4/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn như sau.

I. QUY HOẠCH QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN

1. Quy hoạch quản lý chất thải rắn được nêu tại khoản 1, Điều 7 của Nghị định số 59/2007/NĐ-CP được hiểu như sau:

a) Quy hoạch quản lý chất thải rắn là quy hoạch chuyên ngành xây dựng, bao gồm: điều tra, khảo sát, dự báo chi tiết nguồn và tổng lượng phát thải các loại chất thải rắn thông thường và nguy hại; xác định vị trí và quy mô các trạm trung chuyển, phạm vi thu gom, vận chuyển; xác định vị trí, quy mô cơ sở xử lý chất thải rắn trên cơ sở đề xuất công nghệ xử lý thích hợp; xây dựng kế hoạch và nguồn lực nhằm thu gom và xử lý triệt để chất thải rắn;

b) Quy hoạch quản lý chất thải rắn bao gồm: quy hoạch vùng liên tỉnh; quy hoạch vùng tỉnh. Quy hoạch quản lý chất thải rắn vùng liên tỉnh chỉ xét đến các đô thị khu công nghiệp, khu kinh tế, khu du lịch, khu lịch sử - văn hoá có ý nghĩa liên vùng, là động lực phát triển vùng;

c) Quy hoạch quản lý chất thải rắn được lập cho giai đoạn 10, 20 năm hoặc dài hơn tùy theo giai đoạn lập quy hoạch xây dựng.

2. Hồ sơ quy hoạch quản lý chất thải rắn thực hiện theo các nội dung được quy định tại khoản 2, Điều 7 bao gồm:

2.1. Phân thuyết minh:

a) Đánh giá hiện trạng, gồm các nội dung:

- Hiện trạng các nguồn và lượng chất thải rắn phát sinh từ các đô thị, cơ sở sản xuất công nghiệp, làng nghề, các cơ sở kinh doanh, dịch vụ, di tích lịch sử - văn hoá, khu du lịch; thành phần, tính chất và tổng khối lượng chất thải rắn thông thường và nguy hại;

- Hiện trạng về tỷ lệ thu gom, phân loại chất thải rắn; phương tiện và phương thức thu gom; vị trí, quy mô các trạm trung chuyển và các cơ sở xử lý chất thải rắn; đánh giá công nghệ xử lý chất thải rắn;

- Hiện trạng cơ sở hạ tầng kỹ thuật có liên quan đến thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn;

b) Thuyết minh tính toán và dự báo về nguồn và khối lượng chất thải rắn thông thường và nguy hại trên cơ sở hiện trạng, quy hoạch xây dựng và các quy hoạch ngành liên quan khác;

c) Đánh giá khả năng phân loại, tái chế và tái sử dụng chất thải rắn thông thường phát thải từ sinh hoạt, sản xuất công nghiệp và dịch vụ;

d) Thuyết minh việc lựa chọn vị trí, quy mô các trạm trung chuyển chất thải rắn; vị trí, quy mô các cơ sở xử lý chất thải rắn; phạm vi tiếp nhận chất thải rắn của các cơ sở xử lý; phương thức thu gom chất thải rắn (bằng thiết bị cơ giới, các phương tiện thô sơ khác...). Khi xác định vị trí, quy mô của trạm trung chuyển và cơ sở xử lý chất thải rắn, cần thuyết minh sự phù hợp với quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt (nếu có). Đối với cơ sở xử lý chất thải rắn cần thuyết minh khả năng mở rộng quy mô trong tương lai.

đ) Đề xuất lựa chọn công nghệ thích hợp để xử lý các loại chất thải rắn thông thường, chất thải rắn nguy hại nhằm đảm bảo xử lý triệt để chất thải rắn, hạn chế chôn lấp, đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường;

e) Xây dựng kế hoạch và nguồn lực thực hiện để đảm bảo thống kê đầy đủ và xử lý triệt để tất cả các loại chất thải rắn. Khi xác định nguồn lực thực hiện quy hoạch, phải thuyết minh nguồn từ ngân sách địa phương, trung ương và các nguồn vốn đầu tư khác từ xã hội hoá công tác quản lý chất thải rắn;

g) Các kết luận và kiến nghị.

2.2 Phân bản vẽ:

a) Hiện trạng vị trí các nguồn phát thải, thống kê khối lượng chất thải rắn thông thường và chất thải rắn nguy hại;

b) Hiện trạng phạm vi thu gom; hiện trạng vị trí, quy mô các trạm trung chuyển; hiện trạng vị trí, quy mô và công nghệ của cơ sở xử lý chất thải rắn;

c) Khu vực phát thải (các điểm dân cư, khu công nghiệp tập trung, khu thương mại - dịch vụ, khu du lịch,...) kèm theo thống kê khối lượng chất thải rắn thông thường, chất thải rắn nguy hại được dự báo theo thời gian quy hoạch;

d) Quy hoạch vị trí, quy mô các trạm trung chuyển, cơ sở xử lý chất thải rắn và công nghệ xử lý được đề xuất; phạm vi địa giới thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, nguy hại đối với cơ sở xử lý chất thải rắn.

II. QUY HOẠCH XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN

Quy hoạch xây dựng các công trình xử lý chất thải rắn theo quy định tại các Điều 8 và 9 của Nghị định 59/2007/NĐ-CP được hướng dẫn như sau:

1. Yêu cầu đối với quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn:

a) Vị trí, quy mô cơ sở xử lý chất thải rắn phải phù hợp với quy hoạch quản lý chất thải rắn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Tiêu chuẩn diện tích đất, diện tích xây dựng; định mức sử dụng điện, nước được xác định theo công nghệ xử lý đã lựa chọn và theo tiêu chuẩn thiết kế tổng mặt bằng đối với các nhà máy công nghiệp và tiêu chuẩn thiết kế quy hoạch xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn;

c) Đảm bảo hoạt động của nhà máy theo công suất thiết kế và an toàn cho công nhân trong quá trình vận hành;

d) Có biện pháp cách ly đối với các khu vực có khả năng gây ô nhiễm hoặc có nguy cơ cháy nổ (bãi chôn lấp, bể xử lý nước rác, nơi chứa tạm thời chất thải nguy hại sau khi phân loại và chờ đưa đi xử lý);

đ) Phải bố trí vị trí các điểm quan trắc môi trường (nước, không khí) nhằm theo dõi sự biến động về môi trường trong quá trình vận hành và sau khi đóng cửa cơ sở xử lý chất thải rắn;

e) Phải dự kiến các phương án phục hồi cảnh quan và tái sử dụng mặt bằng cơ sở xử lý chất thải rắn sau khi chấm dứt hoạt động.

2. Quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng do chủ đầu tư thực hiện khi lập dự án đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn. Các hạng mục công trình của cơ sở xử lý chất thải rắn bao gồm:

a) Các công trình chính (tiếp nhận, phân loại, xử lý chất thải rắn; nơi chứa sản phẩm tái chế, tái sử dụng...);

b) Các công trình phụ trợ phục vụ quản lý vận hành cơ sở xử lý chất thải rắn (quản lý, điều hành, phòng thí nghiệm, nhà ăn, khu vệ sinh...);

c) Vị trí tập kết để đóng rắn hoặc chôn lấp chất thải rắn thông thường còn lại sau khi đã được xử lý (tái chế, tái sử dụng, đốt,...); khu vực cô lập vĩnh viễn chất thải rắn nguy hại;

d) Hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật của cơ sở xử lý chất thải rắn (hệ thống đường, cấp thoát nước, cấp điện chiếu sáng và sản xuất, hệ thống xử lý nước thải, sân bãi, cây xanh) và vị trí các điểm đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào cơ sở xử lý chất thải rắn.

3. Hồ sơ quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn:

a) Phần thuyết minh;

b) Phần bản vẽ: tỷ lệ bản vẽ 1/500. Các bản vẽ bao gồm:

- Hiện trạng khu đất, ranh giới khu vực bố trí cơ sở xử lý chất thải rắn;

- Tổng mặt bằng định vị các công trình của cơ sở xử lý chất thải rắn, tóm tắt các chỉ tiêu kỹ thuật của giải pháp quy hoạch;

- Tổng mặt bằng bố trí các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật; cao độ; các điểm đấu nối với công trình hạ tầng kỹ thuật bên ngoài khu đất; vị trí các điểm quan trắc môi trường nước mặt, nước ngầm, không khí (khói, bụi, khí thải...).

II. PHỤC HỒI, TÁI SỬ DỤNG DIỆN TÍCH CƠ SỞ XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN SAU KHI CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG

1. Việc phục hồi, tái sử dụng diện tích cơ sở xử lý chất thải rắn sau khi chấm dứt hoạt động được quy định tại Điều 34 của Nghị định 59/2007/NĐ-CP.

2. Việc đóng bãi chôn lấp, chấm dứt hoạt động cơ sở xử lý chất thải rắn được thực hiện khi: lượng chất thải đã chôn lấp đạt được dung tích lớn nhất theo thiết kế kỹ thuật; bãi chôn

lắp không hợp vệ sinh và buộc phải đóng cửa theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Giải pháp phục hồi và tái sử dụng diện tích cơ sở xử lý chất thải rắn có thể bao gồm:

a) Tháo dỡ, di dời các hạng mục nhà xưởng; phục hồi cảnh quan môi trường khu vực bằng cách trồng cỏ, cây xanh;

b) Sau khi thực hiện các công tác theo yêu cầu được quy định tại khoản 1, Điều 34 của Nghị định 59/2007/NĐ-CP, có thể tái sử dụng mặt bằng cơ sở xử lý chất thải rắn làm khu vui chơi, giải trí, sân thể thao, bãi đỗ xe... Không xây dựng các công trình nhà cửa trên bãi chôn lấp chất thải rắn. Khi tái sử dụng cơ sở xử lý chất thải rắn cho mục đích khác, cần lập dự án và quy hoạch xây dựng theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng.

IV. LẬP VÀ QUẢN LÝ DỰ TOÁN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN

1. Dự toán chi phí dịch vụ công ích xử lý chất thải rắn nêu tại Điều 35 của Nghị định 59/2007/NĐ-CP được xác định theo nguyên tắc tính đúng, tính đủ các yếu tố chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn theo các công nghệ khác nhau, đảm bảo khả năng thu hồi vốn và phát triển của chủ đầu tư cơ sở xử lý chất thải rắn; khuyến khích thực hiện xã hội hoá dịch vụ công ích xử lý chất thải rắn.

2. Chi phí đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và các văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định: bao gồm các khoản chi phí như: chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư; chi phí quản lý dự án trong quá trình đầu tư xây dựng, chi phí tư vấn xây dựng; chi phí khác và chi phí dự phòng.

3. Dự toán chi phí dịch vụ công ích xử lý chất thải rắn là chi phí cần thiết để hoàn thành khối lượng sản phẩm dịch vụ theo quy trình kỹ thuật quy định, bao gồm: chi phí nguyên vật liệu để xử lý chất thải rắn; chi phí nhân công xử lý chất thải rắn; chi phí máy, thiết bị, khấu hao nhà xưởng; chi phí quản lý chung và lợi nhuận định mức. Giá dự toán, đơn giá của từng loại công việc xử lý chất thải rắn, chi phí quản lý chung và lợi nhuận định mức được xác định như đơn giá của từng loại công việc dịch vụ công ích, chi phí quản lý chung và lợi nhuận định mức quy định tại Thông tư số 17/2005/TT-BXD ngày 01/11/2005 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp lập và quản lý giá dự toán dịch vụ công ích đô thị.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt dự toán chi phí dịch vụ công ích xử lý chất thải rắn. Dự toán được phê duyệt là căn cứ để lựa chọn tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ công ích xử lý chất thải rắn theo phương thức đấu thầu hoặc đặt hàng.

Đối với chất thải rắn công nghiệp và chất thải rắn nguy hại, chủ nguồn thải và chủ xử lý chất thải rắn ký kết hợp đồng trên cơ sở dự toán dịch vụ xử lý chất thải rắn theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 59/2007/NĐ-CP.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch quản lý chất thải rắn theo quy định tại Điều 10 của Nghị định 59/2007/NĐ-CP.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định và phê duyệt quy hoạch xây dựng các công trình xử lý chất thải rắn thuộc vùng tỉnh và vùng liên tỉnh nằm trên địa bàn.

3. Đối với các bãi chôn lấp chất thải rắn hiện tại không hợp vệ sinh và thuộc danh mục nêu tại Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg ngày 22/4/2003 của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức lập và thực hiện dự án cải tạo bãi chôn lấp đạt tiêu chuẩn môi trường.

4. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các Bộ, ngành, địa phương phản ánh về Bộ Xây dựng để hướng dẫn, giải quyết.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Văn Liên